

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Căn cứ Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định mức giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định mức giảm tiền thuê lại đất cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ trên địa bàn tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

a) Có quỹ đất dành cho doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này thuê lại đất theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh;

b) Đã ký hợp đồng cho thuê đất với doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này, trong đó bao gồm thông tin giá cho thuê lại đất đã được giảm theo mức giảm quy định tại Điều 3 Quyết định này;

c) Đã được doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều này thanh toán tiền thuê lại đất theo hợp đồng trong năm đề nghị hoàn trả. Thời điểm chủ đầu tư đề nghị hoàn trả tiền thuê lại đất không quá 12 tháng kể từ thời điểm các bên thực hiện thanh toán tiền thuê lại đất theo hợp đồng cho thuê đất đã ký.

2. Các doanh nghiệp thuê lại đất trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ, bao gồm:

a) Doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao theo quy định của pháp luật công nghệ cao và thuộc loại hình kinh tế tư nhân theo quy định của pháp luật về thống kê;

b) Doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 và các văn bản hướng dẫn;

c) Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được công nhận theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn.

Điều 3. Mức giảm tiền thuê lại đất

1. Mức giảm tiền thuê lại đất (chỉ bao gồm tiền thuê đất) trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ là 100% đối với doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này, áp dụng trong vòng 05 năm đầu kể từ ngày ký hợp đồng thuê đất với chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này.

2. Tiền thuê lại đất để tính toán mức giảm quy định tại khoản 1 Điều này được xác định trên cơ sở giá thuê lại đất tại Hợp đồng ký kết giữa chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này và doanh nghiệp thuê lại đất quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định này. Số tiền thuê lại đất được giảm không được vượt quá số tiền thuê đất tại vị trí khu đất thuê tính theo giá đất của Bảng giá đất và Hệ số điều chỉnh giá đất do UBND tỉnh quy định tại thời điểm ký Hợp đồng.

Điều 4. Hình thức; trình tự, thủ tục hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất

1. Hình thức hoàn trả

Hình thức hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

2. Trình tự, thủ tục hoàn trả

Trình tự, thủ tục hoàn trả thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền thuê đất giữa các cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí, dự toán đề xuất ngân sách trung ương hỗ trợ kinh phí; thẩm định hồ sơ đề nghị hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất; tổng hợp, theo dõi, báo cáo kết quả thực hiện và đề xuất xử lý khó khăn, vướng mắc phát sinh.

2. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh, Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thuế tỉnh Gia Lai, Kho bạc Nhà nước khu vực XV, Bảo hiểm xã hội tỉnh và Ủy ban nhân dân các xã, phường có liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp xác nhận thông tin, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn chủ đầu tư và doanh nghiệp thực hiện chính sách theo quy định.

3. Chủ đầu tư dự án đầu tư và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ có trách nhiệm công khai mức giảm tiền thuê lại đất; xác định, ký hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng với doanh nghiệp được hỗ trợ; lập, lưu giữ hồ sơ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của hồ sơ đề nghị hoàn trả.

4. Doanh nghiệp được hỗ trợ có trách nhiệm cung cấp đầy đủ, trung thực hồ sơ, tài liệu chứng minh thuộc đối tượng được hỗ trợ; sử dụng đúng mục đích diện tích đất thuê lại và hoàn trả khoản hỗ trợ theo quy định nếu vi phạm điều kiện hưởng chính sách.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 8 năm 2026.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường; chủ đầu tư kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ; các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB&TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- UB MTTQVN tỉnh;
- CT, các PCTUBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP, CV UBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, XDCT, X3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Quế